

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/KDTM-ST
Ngày: 20/8/2024
V/v: tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Sơn Tây;

2/ Bà Võ Thị Hồng Tươi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 85/2024/TLST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc: tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2024/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH G; địa chỉ: Số C B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Duy H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ A, khu phố A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/4/2024), có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH Đ; địa chỉ: Đường D thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Đỗ Thị N – Giám đốc công ty, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Duy H trình bày:

Năm 2023, Công ty TNHH G (sau đây viết tắt là Công ty G) và Công ty TNHH Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) có ký kết 05 hợp đồng mua bán hàng có nội dung Công ty G cung cấp mặt hàng gỗ cho Công ty Đ Thịnh cụ thể như sau:

Hợp đồng số 06/23/TPT-PĐ ngày 03/3/2023, Công ty G bán 02 loại gỗ Oak 4/4 và W 2C số lượng 20,298m² và 2,264m³ với tổng số tiền 397.992.430 đồng.

Hợp đồng số 08/23/TPT-PĐ ngày 30/3/2023, Công ty G bán 01 loại gỗ Oak 4/42C số lượng 27,864m² với số tiền 442.177.996 đồng.

Hợp đồng số 09/23/TPT-PĐ ngày 04/4/2023, Công ty G bán 01 loại gỗ Walnut 4/4 2C số lượng 2,021m² với số tiền 59.148.354 đồng.

Hợp đồng số 10/23/TPT-PĐ ngày 17/5/2023, Công ty G bán gỗ Oak 4/4 2C số lượng 28,127m² với số tiền 442.225.000 đồng.

Hợp đồng số 11/23/TPT-PĐ ngày 26/5/2023, Công ty G bán gỗ Walnut 4/4 2C số lượng 7,821m² với số tiền 221.775.014 đồng.

Theo thỏa thuận tại Điều 4 của các hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên, Công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty G trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận hàng. Nếu quá thời hạn này, không thanh toán thì phải chịu tiền lãi quá hạn với mức lãi suất 0,1%/ngày. Sau khi giao hàng hóa, Công ty G đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Đ Thịnh nhưng tính đến ngày 20/12/2023, Công ty Đ T chỉ thanh toán 32.494.766 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 1.530.824.028 đồng. Ngày 28/11/2023, Công ty G và Công ty Đ Thịnh lập biên bản đối chiếu công nợ và xác định số tiền chưa thanh toán là 1.530.824.028 đồng. Sau khi chốt công nợ, ngày 26/01/2024, Công ty Đ Thịnh thanh toán 250.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại chưa thanh toán là 1.280.824.028 đồng. Do Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty Đ Thịnh có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty G nợ gốc: 1.280.824.028 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Điều 4 của các hợp đồng mua bán hàng hóa là 0,1%/ngày tính đến ngày 15/4/2024 với số tiền 442.602.819 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán số nợ gốc và thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc tính tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 27/01/2024 đến ngày 10/8/2024 là 06 tháng 15 ngày với số tiền 69.377.967 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Đ vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty G với bị đơn Công ty Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T xác định bị đơn Công ty Đ có trụ sở tại đường DX 10 thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tại Văn bản số 1254/ĐKKD ngày 20/7/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh B có nội dung thể hiện C tyy T1 T, tình trạng pháp lý: đang còn hoạt động. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty Đ Thịnh nhưng bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Công ty G yêu cầu Công ty Đ Thịnh thanh toán số tiền còn nợ 1.280.824.028 đồng của các Hợp đồng mua bán hàng hóa số 06/23/TPT-PĐ ngày 03/3/2023, Hợp đồng số 08/23/TPT-PĐ ngày 30/3/2023, Hợp đồng số 09/23/TPT-PĐ ngày 04/4/2023, Hợp đồng số 10/23/TPT-PĐ ngày 17/5/2023 và Hợp đồng số 11/23/TPT-PĐ ngày 26/5/2023. Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có cơ sở xác định giữa Công ty G và Công ty Đ Thịnh có ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa này. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/11/2023, Công ty Đ T xác nhận còn nợ của Công ty G 1.530.824.028 đồng. Ngày 04/01/2024, Công ty G và Công ty Đ lập biên bản làm việc có nội dung Công ty Đ Thịnh thanh toán số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 09/01/2024, số tiền còn lại sẽ gửi kế hoạch thanh toán cho Công ty G, chậm nhất ngày 06/02/2024 thanh toán hết số tiền nợ. Sau khi lập biên bản này, ngày 26/01/2024 Công ty Đ đã thanh toán 250.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 1.280.824.028 đồng. Như vậy, việc Công ty Đ T không thanh toán tiền là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Công ty G yêu cầu thanh toán số tiền 1.280.284.028 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán, xét thấy: Tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 06/23/TPT-PĐ ngày 03/3/2023, Hợp đồng số 08/23/TPT-PĐ ngày 30/3/2023, Hợp đồng số 09/23/TPT-PĐ ngày 04/4/2023, Hợp đồng số 10/23/TPT-PĐ ngày 17/5/2023 và Hợp đồng số 11/23/TPT-PĐ ngày 26/5/2023, các bên thỏa thuận Công ty Đ Thịnh phải chịu tiền lãi chậm thanh toán theo mức 0,1%/ngày (tương đương 36%/năm), là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm), tính từ ngày 27/01/2024 đến ngày 10/8/2024 là 06 tháng 15 ngày với số tiền 69.377.967 đồng là có lợi cho bị đơn

nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn Công ty Đ thanh toán cho Công ty G số tiền lãi này.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty G với Công ty Đ.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 35, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 24, 50, 55 của Luật Thương mại;

- Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH G với Công ty TNHH Đ T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH G số tiền 1.350.201.995 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu hai trăm lẻ một nghìn chín trăm chín lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH Đ phải chịu 52.506.059 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm lẻ sáu nghìn không trăm năm chín đồng).

Trả lại cho Công ty TNHH G 31.851.403 (Ba mươi một triệu tám trăm năm mươi một nghìn bốn trăm lẻ ba đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001407 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương Diệp

